

Bản án số: 04/2018/HS-PT
Ngày 22 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Duy Sơn.

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2017/HSPT ngày 06/12/2017 đối với bị cáo Lưu Văn T, do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo không kháng cáo:

Bị cáo Lưu Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn S1, xã S2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông Lưu Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ng; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: 02.

Bản án số 04/2015/HSST ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.474.000đ);

Bản án số 34/2016/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.000.000đ).

Bị bắt từ ngày 22/7/2017 đến nay. (Có mặt)

Người bị hại có kháng cáo:

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã H1, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22 tháng 7 năm 2017, Lưu Văn T đi bộ từ nhà đến nhà bà Nguyễn Thị L ở xã Đ1, huyện D để chơi. Khi đi đến đường liên thôn thuộc thôn M, xã Q, huyện Đ, T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Shadow, BKS:

29Z1-2265 của chị Đào Thị U dựng ở ven đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện và không có người trông giữ. T đi lại gần chỗ dựng xe, ngồi lên xe, nổ máy điều khiển xe theo hướng đi ngã tư thôn Tr, xã Q thì bị phát hiện và bắt giữ.

Ngày 22 tháng 7 năm 2017, chị Đào Thị U có đơn trình báo Cơ quan Công an huyện Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 402/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 8 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận: Giá trị còn lại của tài sản (xe mô tô BKS: 29Z1-2265) là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại xe mô tô BKS: 29Z1-2265 cho chị Đào Thị U, chị U không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài lần trộm cắp tài sản của chị Đào Thị U, Lưu Văn T còn hai lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2017, Lưu Văn T đi xe buýt từ thành phố V đến chợ Ch, huyện Đ thì xuống xe đi bộ về nhà. Khi T đi đến đoạn đường liên thôn thuộc Thôn A, xã H1, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen BKS: 88S7-9217, xe có gắn giá để hàng bằng sắt của chị Bùi Thị H dựng ở ven đường, chìa khóa cắm ở ổ điện và không có người trông giữ, T đi đến ngồi lên xe rồi điều khiển xe đi đến xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc bán chiếc xe cho một cửa hàng mua bán sắt vụn được 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 401/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 8 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận: Giá trị còn lại của tài sản (xe mô tô BKS: 88S7-9217) là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 399/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 8 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận: Giá trị còn lại của tài sản (giá để hàng bằng sắt) là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS: 88S7-9217 là tài sản của vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Trịnh Công N, chị H và anh N yêu cầu Lưu Văn T bồi thường 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), T đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 7 năm 2017, Lưu Văn T đi bộ từ nhà ra đường 36m, khi đến gần ngã tư thôn Tr, xã Q, T phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, BKS: 88F8-6123 của anh Trần Thanh M1 dựng ở trước cửa quán nhà anh M1, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện và không có người trông giữ, T đi đến nổ máy rồi điều khiển đến bán chiếc xe cho cửa hàng mua sắt vụn ở xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh phúc được 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và

chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 461a/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 8 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận: Giá trị còn lại của tài sản (xe mô tô BKS: 88F8-6123) là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 88F8-6123 là tài sản của anh Trần Thanh M1, anh M1 yêu cầu Lưu Văn T phải bồi thường là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), T đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành cho Lưu Văn T chỉ dẫn đến cửa hàng T bán xe mô tô trộm cắp. Theo sự chỉ dẫn của T đó là cơ sở thu mua phế liệu của anh Dương Văn G, sinh năm 1970 ở thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua làm việc anh G không thừa nhận mua 02 xe mô tô có đặc điểm như T khai, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra tại cơ sở không thu giữ được vật chứng vụ của án nên không có căn cứ để đề cập xử lý đối với anh Dương Văn G.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lưu Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Lưu Văn T bồi thường cho vợ chồng anh Trịnh Công N và chị Bùi Thị H số tiền là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Trần Thanh M1 số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lỗi chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo, tính án phí.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 07/11/2017 người bị hại là chị Bùi Thị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Yêu cầu tăng hình phạt chính đối với T; yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H xin rút yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bị hại thỏa thuận: Bị cáo bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho người bị hại là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của người bị hại đối với yêu

cầu tăng hình phạt, đình chỉ xét xử phúc thẩm; ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về bồi thường dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Lưu Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 7 năm 2017, Lưu Văn T đã trộm cắp 03 chiếc xe mô tô, tổng trị giá là 8.200.000đồng (01 xe mô tô BKS: 88S7-9217 trên xe gắn giá để hàng bằng sắt, trị giá 3.400.000đồng của vợ chồng anh Trịnh Công N và chị Bùi Thị H; 01 xe mô tô BKS: 88F8-6123, trị giá 2.500.000đồng của anh Trần Thanh M1 và 01 xe mô tô BKS: 29Z1-2265, trị giá 2.300.000đồng của chị Đào Thị U).

Như vậy cấp sơ thẩm xét xử Lưu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 và phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại phiên tòa, chị H đã rút yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt, xét thấy việc rút một phần nội dung kháng cáo của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu tăng bồi thường của chị H: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H là 3.700.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho chị H là 7.300.000đồng, tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho chị H là 11.000.000đồng. Xét thỏa thuận của bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối cưỡng ép, thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Án phí: Chị Bùi Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm; bị cáo T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt chính của chị Bùi Thị H đối với Lưu Văn T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt: Lưu Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Bị cáo Lưu Văn T bồi thường cho vợ chồng anh Trịnh Công N và chị Bùi Thị H số tiền là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng chẵn).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng